

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2017/HS-ST

Ngày 11 - 7 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH NAM ĐỊNH

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Công.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Công

2. Ông Trần Văn Ngọc

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Quang Huy -Thư ký của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Lan Anh - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2017/ HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/HSST-QĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 đối với:

Bị cáo: Phạm Ngọc T, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi ở: tổ dân phố Thịnh Lộc, thị trấn M, huyện M, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Phạm Ngọc K sinh năm 1969; con bà Bùi Thị N sinh năm 1971; tiền sự: không; tiền án: không; bị giam giữ từ ngày 22/3/2017 đến ngày 05/4/2017. Hiện tại ngoại.(có mặt)

Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn T sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Cư Nhân, xã Mỹ Thành, huyện M, tỉnh Nam Định.

2. Anh Nguyễn Văn H sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Thiện Vinh, xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

3. Chị Nguyễn Thị P sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Thiện Vinh, xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 14/3/2017, Phạm Ngọc T đến dự và giúp anh Nguyễn Văn T tổ chức đám cưới. Đến khoảng 21 giờ 20 phút ngày 15/3/2017, Phạm Ngọc T đi vào phòng cưới của anh Nguyễn Văn T nhìn

thấy tủ quần áo kê trong phòng, nghĩ rằng anh Nguyễn Văn T để tiền mừng đám cưới trong tủ và không có ai gần đó nên Phạm Ngọc T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Phạm Ngọc T khép cửa buồng rồi giật khóa tủ. Phạm Ngọc T lấy hết phong bì mừng đám cưới, 02 chiếc nhẫn cưới của anh Nguyễn Văn T; lấy 01 điện thoại di động iphone 6 Plus, 01 điện thoại di động Samsung galaxy note2 GT-7100 của anh Nguyễn Văn H và vợ Nguyễn Thị P (chị gái anh Nguyễn Văn T) để ở trong tủ. Ra ngoài, Phạm Ngọc T mượn xe máy đi đến hiệu điện thoại của anh Trần Văn T ở xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam bán hai chiếc điện thoại với giá 2.200.000 đồng. Phạm Ngọc T bóc hết phong bì vừa trộm cắp được 9.800.000 đồng. Sau đó Phạm Ngọc T đi về nhà anh Nguyễn Văn T trả xe máy rồi bỏ đi Hà Nội. Đến ngày 18/3/2017, nghi ngờ Phạm Ngọc T lấy trộm tài sản nên anh Nguyễn Văn T đã đến nhà Phạm Ngọc T nói chuyện với bố mẹ Phạm Ngọc T và trình báo Công an huyện M. Ngày 22/3/2017, Phạm Ngọc T đến Công an huyện M đầu thú và giao nộp 01 chiếc nhẫn cưới của anh Nguyễn Văn T. Gia đình Phạm Ngọc T đã chuộc lại chiếc điện thoại iphone 6 Plus, anh Trần Văn T tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại Samsung galaxy note2 GT-7100 cho cơ quan Cảnh sát điều tra. Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 01/ĐG-HĐĐG ngày 21/3/2017 đã kết luận chiếc điện thoại iphone 6 Plus có giá trị 6.000.000 đồng; chiếc điện thoại Samsung galaxy note2 GT-7100 có giá trị 900.000 đồng. Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02/ĐG-HĐĐG ngày 04/4/2017 đã kết luận chiếc nhẫn cưới của anh Nguyễn Văn T có giá trị là 750.000 đồng. (một chiếc nhẫn cưới bị mất không thu hồi được nên không định giá được).

Trong quá trình giải quyết vụ án Phạm Ngọc T cùng gia đình bồi thường cho anh Nguyễn Văn T, anh H, chị P số tiền 30.000.000 đồng còn Phạm Ngọc T được sở hữu các tài sản trên. Nay anh Trần Văn T, anh Nguyễn Văn T, anh H, chị P không yêu cầu Phạm Ngọc T phải bồi thường gì nữa và có đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Phạm Ngọc T.

Vật chứng: Chiếc điện thoại iphone 6 Plus, chiếc điện thoại Samsung galaxy note2 GT-7100 và chiếc nhẫn vàng đã được Cơ quan Điều tra trả lại cho anh H, chị P và anh Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cáo trạng số 09/CTr-KSĐT ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố Phạm Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Phạm Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự: Xử phạt Phạm Ngọc T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn M giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội cải tạo thành công dân có ích cho xã hội .

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ khác như: Lời khai của người bị hại, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường ... Như vậy đã đủ cơ sở khẳng định: Vào 21 giờ 20 phút ngày 15/3/2017, Phạm Ngọc T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng số tiền là 17.450.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng do không chịu tu dưỡng, thích ăn chơi, đua đòi, muốn có tiền tiêu sài nhưng không chịu lao động nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, đã gây bất bình cho quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự để đảm bảo cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và giáo dục răn đe phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đầu thú. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Qua đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần tuyên phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú .

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự: Xử phạt Phạm Ngọc T 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/7/2017. (Bị cáo đã bị giam giữ từ ngày 22/3/2017 đến ngày 05/4/2017).

Giao Phạm Ngọc T cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Phạm Ngọc T phải nộp 200.000 đồng.

Trong hạn 15 ngày: bị cáo Phạm Ngọc T có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện M;
- CA huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND thị trấn M ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HSVA,VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Thành Công